

QUAN HỆ NGOẠI GIAO NHẬT – PHI QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Phạm Thị Kim Huế*

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới và toàn cầu hoá, “không một quốc gia nào trong thời đại của chúng ta hiện nay tiến bước nhanh trên con đường phát triển mà không mở cửa nền kinh tế vào thị trường thế giới” (trích bài phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bush trong phiên họp tại diễn đàn AGOA lần thứ nhất). Nhật Bản cũng nằm trong quy luật của sự phát triển này. Là cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, được coi là “con chim đầu đàn” ở châu Á, vậy Nhật Bản đã và đang làm gì để giúp châu Phi - lục địa đen với phần đông các quốc gia nghèo nhất trên thế giới, cùng phát triển và thịnh vượng? Để hiểu rõ hơn về vấn đề này và giúp bạn đọc có một cái nhìn khái quát về mối quan hệ Nhật - Phi, bài viết sẽ đề cập đến mối quan hệ đó qua các thời kỳ lịch sử nhằm thống kê một cách hệ thống sự phát triển của mối quan hệ Nhật - Phi qua từng dấu mốc thời gian.

I. TỪ GIỮA THẾ KỶ XVI ĐẾN THẾ KỶ XIX

Có thể nói rằng Nhật Bản và châu Phi đã duy trì quan hệ trong nhiều thế kỷ. Khởi đầu mối quan hệ này diễn ra cách đây vài trăm năm, khoảng năm 1510 khi các thuyền của Bồ Đào Nha chở theo những người nô lệ da đen đầu tiên đặt chân đến Nagasaki. Trong giai đoạn này, một vài thủy thủ châu Phi trên những chiếc tàu này cũng mua các nô lệ Nhật Bản. Khi người Bồ Đào Nha bị trục xuất khỏi Nhật Bản vào đầu thế kỷ XVII thì một số ít người châu Phi vẫn ở lại Nhật Bản giúp tìm kiếm và bắt giữ những người truyền giáo I-bê-ri. Những người châu Phi là những người tham gia tích cực trong việc buôn bán nô lệ Nhật Bản và cùng với

Nhật Bản nỗ lực đuổi những người truyền giáo I-bê-ri ra khỏi đất nước *mặt trời mọc*.

Còn về phía Nhật Bản, họ đặt chân lên lục địa Đen vào năm 1586 trong các chuyến đi biển hướng về châu Âu. Đặc biệt, dưới thời Tokugawa (từ năm 1603 đến năm 1868), những người Hà Lan được phép buôn bán với Nhật Bản và được yêu cầu giới thiệu cho người Nhật biết về tình hình thế giới. Các nhà học giả hàng đầu dưới thời Tokugawa đặc biệt quan tâm đến việc các cường quốc châu Âu sử dụng tôn giáo như một phương tiện để mở rộng ảnh hưởng của mình ở châu Phi. Aizawa Seishisai, một học giả thời Tokugawa cho rằng Nhật Bản cần xây dựng tư tưởng quốc gia của riêng mình giống như những gì mà người châu Âu đã làm đối với những con người xa xôi ở châu Phi. Hơn thế nữa, nhằm thúc đẩy sự thống nhất quốc gia tại Nhật Bản và tạo điều kiện mở rộng sự ảnh hưởng của Nhật Bản ở nước ngoài, theo Aizawa thì Nhật Bản cần có tư tưởng chính thống của riêng mình. Bởi vì trước đó, lợi ích kinh tế của người Nhật Bản ở châu Phi không đáng kể gì, chủ yếu họ chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng của người châu Âu trong việc thúc đẩy và mở rộng ảnh hưởng của châu Âu ở châu Phi. Do vậy, dưới thời Tokugawa, nhận thức của Nhật Bản về châu Phi cũng tăng lên.

II. TỪ GIỮA THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI LẦN I

Giữa thế kỷ XIX, sau khi Nhật Bản buộc phải “mở cửa” và ký “các hiệp ước không bình đẳng” với các cường quốc Tây Âu, thì Nhật Bản bắt đầu quan tâm hơn đến tình hình châu Phi, bởi vì các cường quốc châu Âu cũng áp “các hiệp ước không bình đẳng” tương tự đối với chính phủ các nước châu Phi. Do đó, chính phủ Nhật

* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Bản cố gắng thu thập các thông tin về các hiệp ước và các thông tin về nỗ lực của các nước châu Phi, cụ thể là Ai Cập, trong việc thương thuyết lại các hiệp ước này. Các nhà lãnh đạo trong cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 đặc biệt quan tâm đến những nỗ lực của Ai Cập trong việc thúc đẩy quá trình hiện đại hoá nhanh. Rút kinh nghiệm học hỏi từ trường hợp của Ai Cập, Nhật Bản đã đủ tự tin vay một khoản tiền lớn từ Tây Âu và giành được thắng lợi trong cuộc chiến Nhật-Trung năm 1895. Khi đã trở thành một đế quốc mới, Nhật Bản đã tìm hiểu chủ nghĩa thuộc địa của châu Âu ở châu Phi cả về mặt hành chính và tư tưởng cai trị.

Sau đó, cuộc chiến của người Phi gốc Hà Lan đã giúp Nhật Bản và Anh trở thành đồng minh. Đồng thời điều này cũng giúp các nhà lãnh đạo Nhật Bản lúc bấy giờ nhận thấy tầm quan trọng về triển vọng buôn bán ngày càng tăng giữa Nhật Bản với các nước thuộc địa của Anh ở châu Phi. Mỗi quan hệ Nhật - Phi bắt đầu trở nên rõ nét hơn.

Đặc biệt cho đến giai đoạn bùng nổ Đại chiến thế giới lần I, ngành dệt mới được hình thành của Nhật Bản đã bắt đầu nhập khẩu mặt hàng cotton từ Ai Cập, song cán cân thương mại của Nhật Bản với châu Phi vẫn còn ở mức hạn chế, nghiêng về phía Nhật Bản bởi vì nhu cầu về mặt hàng cotton của Nhật Bản ngày càng tăng. Trong cuộc chiến, cán cân thương mại này thay đổi một cách đột ngột khi cung hàng hoá từ châu Âu sang các thị trường châu Phi bị gián đoạn tạm thời. Đây là lần đầu tiên châu Phi trở thành thị trường quan trọng đối với xuất khẩu của Nhật Bản.

III. TỪ ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI I ĐẾN ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI II

Sau Đại chiến thế giới I, các cường quốc châu Âu đã giành lại các thị phần lớn hơn từ các thị trường châu Phi truyền thống của mình, song với tư cách là một trong những cường quốc liên minh chiến thắng, Nhật Bản cũng đã giành được quyền bình đẳng cho các hàng hoá của mình ở vùng lưu vực rộng lớn Côngô bằng cách ký vào Hiệp định St. Germainen-Laye năm 1919. Các công ty thương mại của Nhật Bản đã

bắt đầu chuyển đến Đông Phi để có cơ hội buôn bán nguyên liệu bông thô và bán các mặt hàng vải cotton. Mặc dù người Anh buộc Nhật Bản phải chấm dứt hình thức buôn bán này của Nhật Bản, song họ không thể chặn được sự phát triển xuất khẩu nhanh của Nhật Bản sang Đông Phi trong những năm cuối thập kỷ 1920 và đầu thập kỷ 1930 bởi những quyền của Nhật Bản trong hiệp định. Ở Tây Phi, Anh và Pháp cũng đã thành công hơn trong việc hạn chế nhập khẩu của Nhật Bản trong thập kỷ 1930 bằng cách huỷ bỏ các hiệp ước thương mại lâu dài, song điều này chỉ gây lên sự oán giận ở Nhật Bản. Cũng trong thời kỳ này, Ai Cập và Nam Phi đã tạo nên các hàng rào đối với nhập khẩu của Nhật Bản. Nhật Bản cho rằng sở dĩ có vấn đề này là do người Anh tác động và có ảnh hưởng mạnh ở khu vực này. Sự ganh đua về thương mại đã góp phần phá vỡ mối quan hệ giữa Nhật Bản với Anh trong những năm 1930. Các rào cản ở châu Phi đã làm dấy lên sự chỉ trích mạnh mẽ của những người theo chủ nghĩa dân tộc ở Nhật Bản - những người này cho rằng trước hết Nhật Bản cần phải bảo đảm thị trường của Nhật Bản ở các nước châu á gần kề với quần đảo *mặt trời mọc* chứ không phải ở một châu lục xa xôi.

Tuy nhiên, Nhật Bản đã phát triển mối quan hệ kinh tế - chính trị đặc biệt chặt chẽ với Ethiopia và miền cường chứng kiến ảnh hưởng của Nhật Bản ở quốc gia châu Phi độc lập về mặt danh nghĩa này bị giảm sút. Nhật Bản rất tức giận trước việc xâm chiếm Ethiopia của Italia vào giữa thập kỷ 1930, do vậy chính phủ Nhật Bản đã can thiệp vào công việc của Ethiopia. Tuy nhiên, sau đó chính phủ Nhật Bản đã thương thuyết với Italia và Italia đã công nhận vị trí của Nhật Bản ở Manchuria và ngược lại Nhật Bản công nhận vị trí của Italia ở Ethiopia. Chính điều này đã mở ra một liên minh giữa Nhật Bản với Italia trước khi nổ ra Đại chiến thế giới II. Nhưng trong Đại chiến thế giới II, buôn bán giữa Nhật Bản với châu Phi bị gián đoạn tạm thời.

Trải qua những diễn biến đó, chúng ta nhận thấy rằng Nhật Bản cũng đã từng bước thiết lập được mối quan hệ với một vài nước châu Phi, mặc dù những mối

quan hệ đó còn nhỏ bé và bị gián đoạn song cũng cho chúng ta hình dung về quá trình tiếp cận của Nhật Bản đối với các nước châu Phi nhằm tạo nền tảng cho những bước tiến tiếp sau quá trình phát triển mối quan hệ giữa Nhật Bản và các nước ở châu Phi.

IV. SAU ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI II ĐẾN NAY

Sau Đại chiến thế giới II, buôn bán của Nhật Bản với châu Phi được khôi phục nhanh chóng và vượt mức trước chiến tranh (trước chiến tranh, châu Phi chỉ chiếm 8,4% xuất khẩu của Nhật Bản trong khi đó sau chiến tranh, cụ thể là cuối thập kỷ 1950, thì tỷ lệ đó đạt ở mức cao là 17,5%). Sự gia tăng này cho thấy rằng nhu cầu của châu Phi đối với các hàng hoá của Nhật Bản trong thập kỷ sau Đại chiến thế giới II đã góp một phần vào phục hồi kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh. Khi nền kinh tế Nhật Bản chuyển từ nền kinh tế sản xuất các hàng hoá công nghiệp nhẹ như dệt sang nền kinh tế sản xuất các hàng hoá công nghiệp nặng như ô tô và đặc biệt trong giai đoạn tăng trưởng thần kỳ của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1960 và 1970 thì châu Phi chiếm khoảng từ 7% đến 9% tỷ trọng xuất khẩu của Nhật Bản, nhưng sau đó đến thập kỷ 1980 và 1990, tỷ trọng đó bị giảm xuống khoảng 6% chỉ còn lại khoảng 2%. Trong giai đoạn này, Nhật Bản đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước châu Phi (50 quốc gia độc lập trong tổng số 54 quốc gia ở châu Phi, chi tiết xem bảng quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản với các nước châu Phi).

Trong giai đoạn từ khi chấm dứt thời kỳ thuộc địa cho đến cuộc khủng hoảng dầu lửa lần thứ nhất diễn ra vào năm 1973, Nhật Bản đã tái khám phá lục địa châu Phi. Với “*Chính sách ngoại giao tài nguyên*” nhằm để bảo đảm cung cấp nguồn tài nguyên thô thường xuyên cho cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, nên các phái đoàn kinh doanh bao gồm nhiều quan chức Nhật Bản đã đến lục địa Đen. Nổi tiếng nhất đó là “*phái đoàn Kono*” vào năm 1970. Tuy nhiên, trong giai đoạn chiến tranh lạnh, Nhật Bản rất khó thực hiện một chính sách châu Phi độc lập, do đó trong giai đoạn này thì chỉ có quan hệ thương mại của Nhật Bản với các nước

châu Phi nói tiếng Anh tăng. Song các hoạt động ngoại giao ổn định hơn đã góp phần thúc đẩy quan hệ giữa Nhật Bản và châu Phi.

Một trong những bước tiến quan trọng nhằm đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản với châu Phi phải kể đến Hội nghị quốc tế Tokyo về Phát triển châu Phi (được gọi tắt là TICAD). Tháng 10 năm 1993, TICAD I lần đầu tiên diễn ra tại Tokyo do chính phủ Nhật Bản, Liên hợp quốc và Liên minh toàn cầu vì châu Phi đồng tổ chức. Tham dự Hội nghị TICAD I lần này có khoảng 1000 đại biểu từ 48 nước châu Phi, 13 nước tài trợ, 10 tổ chức quốc tế và hơn 45 nước quan sát viên và các tổ chức khác như NGOs. Các đại biểu của TICAD I đều khẳng định cam kết của họ về phát triển châu Phi thông qua việc đồng ý với Bản Tuyên bố Tokyo về Phát triển châu Phi, tìm kiếm cho châu Phi một sự hợp tác phát triển năng động phù hợp với Chương trình nghị sự mới của Liên hợp quốc vì sự phát triển của châu Phi trong những năm 1990 (gọi tắt là UN-NADAP).

Rõ ràng TICAD đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác giữa châu Á và châu Phi trong những lĩnh vực khác nhau như đối thoại chính sách, hợp tác kỹ thuật và phát triển kinh tế tư nhân. Trong Chương trình hành động Tokyo được thông qua tại TICAD II diễn ra vào tháng 10 năm 1998, hợp tác Nam - Nam đã được coi là “*một yếu tố vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của châu Phi*”. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 đã phần nào làm suy yếu nền kinh tế quần đảo mặt trời mọc, nhưng Nhật Bản vẫn khẳng định thực hiện các mục tiêu đối với châu Phi mà Nhật Bản đã đặt ra cách đây mấy năm. Điều đó còn thể hiện rõ mối quan tâm sâu sắc và lâu dài của Nhật Bản đối với sự phát triển của châu Phi.

Tháng 12 năm 2001, Thủ tướng Yoshiro Mori là vị nguyên thủ quốc gia Nhật Bản lần đầu tiên đến thăm các nước tiểu vùng Sahara châu Phi, điều này một lần nữa khẳng định mối quan tâm của quần đảo này đối với “*châu lục xa xôi*”. Nhân chuyến viếng thăm lần này, Thủ tướng Mori tuyên bố hai mục tiêu chính trong Chính

sách châu Phi của chính phủ ông là viện trợ và ngăn chặn xung đột bởi vì “thế kỷ XXI muốn ổn định và thịnh vượng thì các vấn đề của châu Phi cần được giải quyết”. Cùng đi với ông còn có nguyên Cao uỷ viên Liên hợp quốc về người tỵ nạn – bà Sadako Ogata. Trong các cuộc gặp gỡ với các nhà lãnh đạo châu Phi, Thủ tướng Y. Mori kêu gọi các đối tác châu Phi ủng hộ mong muốn của Nhật Bản trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Thực sự mối quan hệ giữa Nhật Bản và châu Phi đã phát triển lên một tầm cao mới. Mối quan hệ đó không chỉ dừng lại ở mối quan hệ một chiều mà đã chuyển thành mối quan hệ song phương, đôi bên cùng có lợi.

Hơn thế nữa, tại Tokyo vào ngày 3-4 tháng 12, hội nghị các bộ trưởng Nhật Bản và châu Phi đã được tổ chức. Nhân dịp này, Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi đã tuyên bố rằng chính phủ Nhật Bản coi châu Phi là “một trong những chương quan trọng của chính sách ngoại giao Nhật Bản” và cũng tuyên bố rằng TICAD III sẽ được tổ chức từ ngày 19 tháng 9 đến ngày 01 tháng 10 năm 2003. Hội nghị TICAD III tập trung vào việc giúp đỡ các nước châu Phi thực hiện Chương trình Đối tác mới vì Sự phát triển của châu Phi (gọi tắt là NEPAD) và là cơ hội quan trọng, và là bàn đạp để châu Phi thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs). Tại Hội nghị TICAD III, Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đã cam kết viện trợ không hoàn lại cho châu Phi 1 tỷ USD

trong vòng 5 năm, đồng thời xoá hơn 4 tỷ USD tiền nợ cho các nước nghèo nhất châu Phi. Rõ ràng TICAD không chỉ là phương thức quan trọng thúc đẩy quan hệ kinh tế trong nhiều lĩnh vực giữa châu Á và châu Phi mà còn là cầu nối lý tưởng để Nhật Bản có thể thực hiện các chính sách kinh tế của mình ở khu vực châu Phi cùng với các cường quốc kinh tế khác trên thế giới.

Ngoài ra, Nhật Bản còn hỗ trợ và đóng góp tích cực cho việc thành lập Diễn đàn doanh nghiệp Á - Phi (AABF), Trung tâm xúc tiến đầu tư và công nghệ Á - Phi (AAITPC), Chương trình giống lúc mới cho châu Phi nhằm tạo điều kiện xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ từ châu Á sang châu Phi cũng như tạo điều kiện gặp gỡ và tìm kiếm cơ hội làm ăn, giao dịch thương mại giữa hai châu lục trong đó có Nhật Bản. Đó thực sự là những tiền đề tốt đẹp để xúc tiến mối quan hệ Nhật - Phi lên một tầm cao mới trong thế kỷ XXI.

Tóm lại, Nhật Bản và châu Phi ngày càng có những lợi ích và mối quan tâm chung. Cho đến bây giờ thì viện trợ cho các nước đang phát triển vẫn là phương thức chính để Nhật Bản thuyết phục người châu Phi rằng Nhật Bản quan tâm đến châu lục này. Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, cách tốt nhất để thúc đẩy quan hệ song phương giữa Nhật Bản và châu Phi là thúc đẩy quan hệ song phương trên tất cả các lĩnh vực để giúp lục địa Đen thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, phát triển cùng với cả cộng đồng quốc tế trong thế kỷ XXI.

Bảng tổng hợp Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản với các nước châu Phi

TT	Nước	Ngày tháng thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản với các nước châu Phi	Ghi chú
1	Angiêri	Tháng 7 năm 1962	
2	Angôla	Tháng 9 năm 1976	
3	Bênanh	Ngày 1 tháng 8 năm 1960	
4	Bôtxoana	Tháng 9 năm 1966	
5	Bradavine		
6	Buôckina Phaxô	Ngày 1 tháng 7 năm 1962	
7	Burundi	Ngày 1 tháng 7 năm 1962	
8	Camôrun	Ngày 1 tháng 1 năm 1960	
9	CapVe	Ngày 11 tháng 7 năm 1975	
10	Cộng hoà Trung Phi	Ngày 13 tháng 8 năm 1960	

11	Sat	Ngày 11 tháng 8 năm 1960	
12	Cômo	Ngày 14 tháng 11 năm 1977	
13	Cộng hoà Côngô	Ngày 18 tháng 8 năm 1960	
14	Cộng hoà Dân chủ Côngô	Ngày 30 tháng 6 năm 1960	
15	Côt Đivoa	Ngày 7 tháng 8 năm 1960	
16	Gibuti	Ngày 27 tháng 6 năm 1977	
17	Ai Cập	Năm 1953	Từ năm 1922 Nhật Bản đã công nhận nền độc lập của Ai Cập, đến năm 1936 Nhật Bản mở Toà công sứ ở Ai Cập, sau đó bị đóng cửa trong suốt Đại chiến thế giới lần thứ II và sau đó đến tháng 12 năm 1952 tái mở lại. Đến năm 1953, Ai Cập mở Toà công sứ tại Tokyo
18	Ghinê Xích đạo	Ngày 12 tháng 11 năm 1968	
19	Eritoria	Tháng 9 năm 1996	Tháng 5 năm 1993, Nhật Bản đã công nhận nền độc lập của Eritoria
20	Êthiôpia	Năm 1958	Năm 1933, Êthiôpia thành lập Tổng lãnh sự quán danh sự ở Osaka. Năm 1936, Nhật Bản thành lập Toà công sứ ở Êthiôpia. Năm 1955 Nhật Bản tái khôi phục quan hệ ngoại giao với Êthiôpia. Và đến năm 1958, cả Nhật Bản và Êthiôpia thành lập Đại sứ quán ở thủ đô mỗi nước.
21	Cộng hoà Gabông	Năm 1968	Ngày 17 tháng 8 năm 1960, Nhật Bản công nhận Nhà nước Cộng hoà Gabông. Năm 1968, Đại sứ quán Cộng hoà Gabông được thành lập ở Tokyo
22	Gambia	Ngày 18 tháng 2 năm 1965	
23	Ghana	Ngày 6 tháng 3 năm 1957	
24	Ghinê	Ngày 14 tháng 11 năm 1958	
25	Ghinê-Bitxao	Ngày 1 tháng 8 năm 1974	
26	Kênia	Năm 1964	Năm 1963, Nhật Bản chính thức công nhận nền độc lập của Kênia. Năm 1964 Nhật Bản thành lập Đại sứ quán của mình tại Kênia. Năm 1979, Kênia mở Đại sứ quán của mình tại Tokyo.
27	Lêxôthô	Tháng 7 năm 1971	
28	Libêria	Tháng 5 năm 1962	
29	Libi	Năm 1957	Năm 1957, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Libi. Năm 1973, Nhật Bản mở Đại sứ quán tại Libi.
30	Madagaxca	Ngày 5 tháng 7 năm 1960	
31	Malauy	Tháng 7 năm 1964	
32	Mali	Ngày 4 tháng 10 năm 1960	
33	Môritani	Ngày 29 tháng 11 năm 1960	
34	Môrixơ	Ngày 12 tháng 3 năm 1968	
35	Marôc	Năm 1956	
36	Môđambich	Tháng 1 năm 1977	
37	Namibia	Tháng 3 năm 1990	
38	Nigiê	Ngày 3 tháng 8 năm 1960	
39	Nigiêria	Ngày 1 tháng 10 năm 1960	

40	Ruanda	Ngày 1 tháng 7 năm 1962	
41	Xao Tômê & Prinxipê	Ngày 22 tháng 7 năm 1975	
42	Xênegan	Ngày 4 tháng 10 năm 1960	
43	Xâysen	Năm 1976	
44	Xiêra Lêôn	Ngày 27 tháng 4 năm 1961	
45	Xômalì	Tháng 10 năm 1982	Tháng 7 năm 1960, Nhật Bản công nhận nền độc lập của Xômalì. Tháng 10 năm 1982, Xômalì thành lập Đại sứ quán tại Tokyo và Đại sứ quán của Xômalì tại Tokyo đến năm 1990 bị đóng cửa.
46	Nam Phi	Tháng 11 năm 1962	Tháng 11 năm 1962, Nam Phi mở Tổng lãnh sự quán tại Tokyo. Ngày 13 tháng 1 năm 1992, quan hệ lãnh sự đã được nâng cấp thành quan hệ ngoại giao chính thức, song trong giai đoạn này mối quan hệ song phương vẫn còn nhiều hạn chế. Hai bên đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức kể từ sau năm 1994.
47	Xu Đãng	Tháng 1 năm 1956	
48	Xoa Dilen	Tháng 5 năm 1971	
49	Tandania	Năm 1961	Năm 1961, Nhật Bản công nhận nền độc lập của Tandania. Năm 1966, Nhật Bản thành lập Đại sứ quán tại Tandania. Năm 1970, Tandania thành lập Đại sứ quán tại Tokyo.
50	Tôgô	Ngày 27 tháng 4 năm 1960	
51	Tuynidi	Tháng 6 năm 1956	
52	Uganda	Năm 1962	Năm 1962, Nhật Bản chính thức công nhận nền độc lập của Uganda. Năm 1973, Uganda thành lập Đại sứ quán tại Tokyo. Năm 1987, Đại sứ quán của Uganda tại Tokyo bị đóng cửa. Năm 1994, tái mở cửa lại Đại sứ quán của Uganda tại Tokyo. Năm 1997, Nhật Bản mở Đại sứ quán tại Uganda.
53	Dămbia	Tháng 10 năm 1964	
54	Đimbabuê	Tháng 4 năm 1980	

(Tổng hợp từ các tài liệu của Bộ Ngoại giao Nhật Bản)

Tài liệu tham khảo

1. Đề tài cấp bộ, "Tình hình chính trị- kinh tế cơ bản của châu Phi và Trung Đông ngày nay", Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Hà Nội, 2005
2. Prime Minister Koizumi, *Japan's Policy for African*
3. Richard A. Bradshaw, *Japanese Interest in Africa: A Historical Overview*, Ohio University.
4. <http://www.jetro.go.jp>
5. <http://www.mofa.go.jp>